

BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE



1. Thông tin chung.

- 1.1 Tên cơ sở sản xuất, nhập khẩu: Công ty TNHH Kwang Yang Việt Nam
- 1.2 Địa chỉ: Lô C2-2, C2-3 KCN Đại Đăng, khu phố 3, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- 1.3 Loại phương tiện: Xe gắn máy hai bánh.
- 1.4 Nhãn hiệu: KYMCO
- 1.5 Tên thương mại: /
- 1.6 Mã kiểu loại (số loại): K-PIPE 50 KB10AC
- 1.7 Số chứng nhận: 10235/VAQ06-01/24-00 ngày 14/08/2024
- 1.8 Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 6800/NETC-M/24/C ngày 17/06/2024

2. Thông số kỹ thuật của xe.

- 2.1 Khối lượng bản thân: 104 kg.
- 2.2 Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 234 kg
- 2.3 Động cơ
 - 2.3.1. Kiểu động cơ: KYMCO RPYKB10AC; Loại động cơ: Xăng, 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng không khí.
 - 2.3.2. Thể tích làm việc (dung tích xy lanh): 49,5 cm³
 - 2.3.3. Công suất lớn nhất/ số vòng quay: 1,8/7500 kW/rpm
- 2.4 Hệ thống cung cấp nhiên liệu: Chế hòa khí.
- 2.5 Hộp số
 - 2.5.1. Điều khiển: Cơ khí
 - 2.5.2. Số lượng tỉ số truyền: 4 cấp
 - 2.5.3. Tỉ số truyền từng cấp số:
 - Số 1: 3,273
 - Số 2: 1,706
 - Số 3: 1,238
 - Số 4: 0,958
- 2.6 Tỉ số truyền cuối cùng: 3,909
- 2.7 Lốp
 - 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 80/80-17 M/C 41P; áp suất lốp: 175 kPa
 - 2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 90/80-17 M/C 46S; áp suất lốp: 200 kPa
- 2.8 Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: 45 km/h

3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

3.1 Chu trình thử: TCVN7358:2010

3.2 Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 1,37L/100km

4. Mẫu nhãn năng lượng công khai. Nhãn năng lượng được thiết kế dựa theo quyết định số: 1500/QĐ-BCT ngày 30/05/2019 của Bộ Công Thương.



5. Ghi chú (nếu có):

Bình Dương, ngày 22 tháng 08 năm 2024

CÔNG TY TNHH KWANG YANG VIỆT NAM



**PHÓ GIÁM ĐỐC KTSX
ĐỖ HỮU TÌNH**